

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho 16 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến - Đề Gi, địa bàn: thôn Tân Thanh, xã Cát Hải, huyện Phù Cát (đợt 7)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04/6/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu Kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh và Quyết định số 54/2017/QĐ –UBND ngày 21/9/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 1338/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến – Đề Gi;

Căn cứ Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 04/3/2020 của UBND tỉnh về việc xác định lại giá đất cụ thể để lập phương án bồi thường, hỗ trợ do GPMB thực hiện dự án Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến – Đề Gi, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định;

Xét đề nghị của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng tại Văn bản số 76/TTr-HĐBT ngày 16/3/2020 và Biên bản cuộc họp ngày 12/3/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho 16 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do GPMB thực hiện dự án Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến - Đề Gi, địa bàn thôn Tân Thắng, xã Cát Hải, huyện Phù Cát (đợt 7), với nội dung chính như sau:

1. Kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho 16 hộ gia đình, cá nhân thuộc thôn Tân Thắng, xã Cát Hải, chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) và chi phí dự trù cưỡng chế là: 944.164.000 đồng (*Chín trăm bốn mươi bốn triệu, một trăm sáu mươi bốn ngàn đồng*), trong đó:

- Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ:	923.839.000 đồng, gồm có:
+ Giá trị bồi thường đất nông nghiệp:	318.585.000 đồng;
+ Giá trị hỗ trợ chuyển đổi nghề:	550.368.000 đồng;
+ Giá trị hỗ trợ ổn định đời sống:	20.790.000 đồng;
+ Giá trị bồi thường vật kiến trúc:	7.980.000 đồng;
+ Giá trị bồi thường cây cối, hoa màu:	26.116.000 đồng;
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%):	18.477.000 đồng;
- Kinh phí dự trù thực hiện cưỡng chế:	1.848.000 đồng.

(*Chi tiết có Phụ lục kèm theo và phương án chi tiết theo Văn bản số 76/TTr-HĐBT ngày 16/3/2020 của Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng*).

2. Nguồn vốn chi trả: Vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến - Đề Gi.

Điều 2. Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Trưởng ban Ban GPMB tỉnh, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Phù Cát, các hộ gia đình, cá nhân có liên quan và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Phan Cao Thắng;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K19.(M.12b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Phan Cao Thắng

PHỤ LỤC

**BẢNG TỔNG HỢP GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ CHO 16 HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN
BỊ ẢNH HƯỞNG DO GPMB THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐƯỜNG VEN BIỂN (ĐT.639), ĐOẠN CÁT TIẾN - ĐỀ GI**
Địa điểm: Thôn Tân Thắng, xã Cát Hải, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định (Đợt 7)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /3/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Số liệu đo đạc			Loại đất	Hạng đất	Vị trí	DT thu hồi theo QH (m2)	DT hộ đề nghị thu hồi hết (m2)	Tổng DT thu hồi (m2)	Nhân khẩu	Tỷ lệ % đất NN bị thu hồi	Giá trị BT đất đai	Các khoản hỗ trợ		Giá trị BT vật kiến trúc	Giá trị BT cây cối, hoa màu	Tổng giá trị BT, HT
			Thửa số	Tờ BD địa chính	Tổng DT thửa đất (m2)										Hỗ trợ chuyển đổi nghề	Hỗ trợ ổn định đời sống			
a	b	c	d	đ	e	g	h		i	k	l	m	n	1	2	3	4	5	6=1+2+3+4+5
I	DT thu hồi/DT sử dụng dưới 10%				4.369,1				1.421,5	230,9	1.652,4	35		80.829.450	186.529.500	0	7.230.680	11.959.680	286.549.310
1	Trần Cảnh và vợ Nguyễn Thị Phò (chết), con Trần Văn Bá đại diện kê khai	Thôn Tân Thắng, xã Cát Hải	7	5	599,9	LUK	6	1	172,2		172,2	2	6,47	10.073.700	23.247.000		2.660.000	551.040	36.531.740
2	Nguyễn Văn Chi, vợ Nguyễn Thị Nghiệm	Thôn Tân Thắng, xã Cát Hải	54	3	385,9	LUK	6	1	385,9		385,9	5		22.575.150	52.096.500			1.234.880	75.906.530
3	Nguyễn Tấn Hân, vợ Mai Thị Sơn	Thôn Tân Thắng, xã Cát Hải	121	3	209,4	LUC	6	1	44,3	165,1	209,4	4	6,73	12.249.900	28.269.000			670.080	41.188.980
4	Nguyễn Ngái (chết), con Nguyễn Nghĩa đại diện kê khai	Thôn Tân Thắng, xã Cát Hải	100	4	827,6	LUK	6	1	57,6		57,6	5	1,93	3.369.600	7.776.000			161.280	11.306.880
5	Phạm Thị Tả (chết). Cháu ngoại Trần Gia Vi đại diện kê khai	Thôn Tân Thắng, xã Cát Hải	98	3	350,2	LUK	6	1	21,8		21,8	1	1,26	1.275.300	2.943.000			69.760	4.288.060
6	Ngô Tấn Tảo, vợ Nguyễn Thị Vân	Thôn Tân Thắng, xã Cát Hải	45	4	608,3	BHK	6	1	125,0		125,0	3	3,94	16.924.050	39.055.500		2.660.000	925.760	59.565.310
			76	4	630,4	BHK	6	1	164,3		164,3								
7	Võ Ánh	Thôn Tân Thắng, xã Cát Hải	89	3	329,1	BHK	6	1	87,9		87,9	5		0	0			281.280	281.280
8	Trần Văn Chương, vợ Phạm Thị Tùng	Thôn Tân Thắng, xã Cát Hải	43	4	150,0	LUK	6	1	150,0		150,0	5		14.361.750	33.142.500			785.600	48.289.850
			77	4	95,5	LUK	6	1	95,5		95,5								

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Số liệu đo đạc			Loại đất	Hạng đất	Vị trí	DT thu hồi theo QH (m2)	DT hộ đề nghị thu hồi hết (m2)	Tổng DT thu hồi (m2)	Nhân khẩu	Tỷ lệ % đất NN bị thu hồi	Giá trị BT đất đai	Các khoản hỗ trợ		Giá trị BT vật kiến trúc	Giá trị BT cây cối, hoa màu	Tổng giá trị BT, HT
			Thửa số	Tờ BĐ địa chính	Tổng DT thửa đất (m2)										Hỗ trợ chuyển đổi nghề	Hỗ trợ ổn định đời sống			
9	Ngô Văn Tiền	Thôn Tân Thắng, xã Cát Hải	215	4	182,8	CLN	5	1	117,0	65,8	182,8	5		0	0		1.910.680	7.280.000	9.190.680
II	DT thu hồi/DT sử dụng từ 10% đến dưới 30%				2.523,2				1.385,2	797,6	2.182,8	20,0		127.693.800	294.678.000	18.900.000	2.660.000	6.225.360	450.157.160
10	Dương Xuân Bận (chết), em ruột Dương Xuân Tân đại diện kê khai	Thôn Tân Thắng, xã Cát Hải	127	3	593,4	LUK	6	1	593,4		593,4	5	20,53	34.713.900	80.109.000	4.725.000		1.661.520	121.209.420
11	Nguyễn Khương	Thôn Tân Thắng, xã Cát Hải	64	3	534,5	LUC	6	1	231,0	303,5	534,5	4	17,41	31.268.250	72.157.500	3.780.000	2.660.000	1.496.600	111.362.350
12	Trần Thị Ổ (chết), con Nguyễn Văn Lực đại diện kê khai	Thôn Tân Thắng, xã Cát Hải	15	3	559,2	LUC	6	1	218,8		218,8	5	19,54	12.799.800	29.538.000	4.725.000		612.640	47.675.440
13	Nguyễn Văn Nhon, vợ Võ Thị Chương	Thôn Tân Thắng, xã Cát Hải	27	5	552,3	BHK	6	1	293,4	258,9	552,3	3	20,81	32.309.550	74.560.500	2.835.000		1.546.440	111.251.490
14	Nguyễn Thị Sáo (chết), con Đặng Sự đại diện kê khai	Thôn Tân Thắng, xã Cát Hải	43	4	283,8	LUC	6	1	48,6	235,2	283,8	3	23,26	16.602.300	38.313.000	2.835.000		908.160	58.658.460
III	DT thu hồi/DT sử dụng từ 30% đến dưới 70%				512,3				435,9	76,4	512,3	1,0		29.969.550	69.160.500	1.890.000	0	1.639.360	102.659.410
15	Nguyễn Thị Ký	Thôn Tân Thắng, xã Cát Hải	242	3	512,3	LUK	6	1	435,9	76,4	512,3	1	45,34	29.969.550	69.160.500	1.890.000		1.639.360	102.659.410
IV	DT thu hồi/DT sử dụng > 70%								1.106,6	262,2	1.368,8	6,0		80.092.350	0	0	0	4.381.120	84.473.470
16	Trần Văn Đường, vợ: Nguyễn Thị Ái	Thôn Tân Thắng, xã Cát Hải	79	4	1.028,6	LUK	6	1	536,4		536,4	6	77,00	80.092.350				4.381.120	84.473.470
			103	4	832,7	LUK	6	1	570,2	262,2	832,4								
Tổng cộng (I+II+III)					7.404,6				4.349,2	1.367,1	5.716,3	62,0		318.585.150	550.368.000	20.790.000	9.890.680	24.205.520	923.839.000
Chi phí phục vụ GPMB (2%)																			18.477.000
Chi phí phục vụ cưỡng chế																			1.848.000
Tổng giá trị BT, HT																			944.164.000